

SOA 41

PHẬT NÓI KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Bí-sô, đều là những bậc A-la-hán kỳ cựu trong Phật pháp, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, tự mình đã được lợi lạc, đã hết các kết sử, chứng đắc giải thoát. Chúng như vậy cả thảy là một ngàn người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: “Nay Ta hãy đến chỗ Linh tháp, trong núi Trượng lâm”. Nghĩ như vậy xong, Ngài cùng chúng Bí-sô đồng đến chỗ ấy, đến nơi liền an cư tại đó.

Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-già-đà nghe Đức Phật Thế Tôn cùng đông đủ một ngàn vị là bậc A-la-hán kỳ cựu đi đến Linh tháp, núi Trượng lâm, nhà vua bèn suy nghĩ muốn tới nơi ấy để nghe pháp. Vua liền ra lệnh chuẩn bị xe cộ. Khác với lúc bình thường, những xe đi theo lần này có đến một vạn hai ngàn chiếc, một vạn tám ngàn cái giường trang điểm ngọc báu, tám thứ âm nhạc, bốn loại binh chủng dẫn đầu, theo sau là quyến thuộc, quần thần phò tá vây quanh mà đi.

Khi ấy vua ra khỏi thành, đến núi Trượng lâm vào chỗ Đức Phật để được gần gũi cúng dường. Lại có các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cũng đi theo vua để đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy nhà vua đi đến, Ngài thị hiện năm tướng: đánh đầu, lọng che, ngọc Ma-ni, phát trần và kiếm báu để

trang nghiêm thân Đức Phật.

Khi ấy đại vương đi đến hội chúng của Đức Phật, vứt bỏ hình tướng tự tại của bậc vua chúa, tới trước Đức Phật, trích áo bày vai bên phải, quỳ xuống, chấp tay hướng về Đức Phật, dùng ngôn từ hay đẹp tán thán công đức của Phật, cung kính đánh lễ Phật xong, nhiễu quanh ba vòng rồi đứng trước Đức Phật, tự xưng tên mình, thưa Đức Thế Tôn:

–Con là vua Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-già-đà.

Nhà vua ba lần bạch Đức Phật như vậy, Đức Phật ba lần đáp lại:

–Vâng, đúng vậy! Ông là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà.

Đức Phật lại dùng lời từ ái hỏi thăm, an ủi đức vua, mời vua ngồi xuống. Vua nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ, hớn hờ, rồi lui ra ngồi qua một bên. Quyển thuộc của vua cùng các quan hầu đều hướng về Đức Phật, quỳ xuống chấp tay, cũng dùng những lời vi diệu tán thán công đức của Phật, đầu mặt đánh lễ xong rồi lui ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả..., có người dùng những lời tán thán, lễ bái, có người chỉ chấp tay đánh lễ, có người từ xa nhìn Đức Phật một cách im lặng. Các chúng như vậy đều ngồi xuống một bên.

Lúc ấy các Bà-la-môn, Trưởng giả ở trong hội chúng bỗng thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu đang đứng hầu một bên Đức Phật, họ bèn nghĩ như vậy: “Ôi! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu, lại ở chỗ Đại Sa-môn để tu tập phạm hạnh”.

Đức Thế Tôn biết các Bà-la-môn và Trưởng giả... ấy trong lòng đang có ý niệm nghi ngờ, nên Ngài liền nói kệ hỏi Tôn giả Ca-diếp:

*Này Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp,
Ngày xưa thờ lửa không gián đoạn
Thấy lợi gì và được pháp gì?
Hãy vì ta mau nói nghĩa ấy!*

Tôn giả Ca-diếp đáp:

*Mùi vị ăn uống của thế gian
Cho đến dục lạc người ưa thích
Con thấy lợi này mà dốc cầu
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.*

Đức Phật hỏi:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Tại sao tham đắm việc dục lạc?
Cho đến tham đắm vị ăn uống
Tâm yêu thích thiên thượng, nhân gian
Vì nghĩa này, mau nói Ta nghe.*

Tôn giả Ca-diếp đáp:

*Con vì câu “Tối thượng tịch tĩnh”
Vì không hiểu nên mới thoái lui
Đam mê năm dục, không như lý
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.
Vi-đà thờ lửa, chúng giải thoát
Chúng sanh do đây tâm mê hoặc
Kẻ mù khác đâu người đã chết
Đánh mất điều tịch tĩnh tối thượng.
Nay con thấy rõ pháp vô vi
Tối thượng sư, Đại Long khéo nói
Bậc Năng Nhân vì lợi ích lớn
Thế Tôn xuất hiện đại tinh tấn.*

Đức Phật lại bảo:

–Này Ca-diếp, ông khéo đến, khéo trụ, không có các tà niệm, khéo có thể phân biệt được pháp tối thượng. Này Ca-diếp, nay ông hãy nên khéo léo hóa độ chúng hội này.

Tôn giả Ca-diếp vâng theo lời Đức Phật bảo, liền nhập Tam-ma-địa, hiện đại thân thông, ở nơi chúng hội liền biến mất, lại xuất hiện trong hư không nơi phương Đông, hiện bốn thứ oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha-đế-ca-sắc (*màu hỗn hợp, màu thủy tinh...*). Lại nữa, phần trên thân phóng ra nước thì phần dưới thân phóng ra lửa. Phần dưới thân phóng ra nước thì phần trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn. Cũng như vậy, ở trên hư không nơi phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại hiện bốn tướng oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội (*Hỏa định*), ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha lê, màu hòa hợp... Lại ở trên thân phóng ra nước, thì dưới thân phóng ra lửa, phần dưới thân

phóng ra nước, thì trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp ở trên hư không khắp bốn phương hiện ra các thân biến xong thì thâu nhiếp thần lực, đến trước Đức Phật, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Lại thưa:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Đức Phật đáp lời Tôn giả Ca-diếp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn.

Ngài lại đáp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn. Ông hãy trở về chỗ cũ mà ngồi.

Lúc ấy các vị Bà-la-môn và Trưởng giả... ở trong chúng lại nghĩ như vậy: “Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu như vậy mà còn ở chỗ Phật là Bậc Đại Sa-môn để tu hành phạm hạnh chẳng?”.

Đức Phật biết ý của họ, nên nói với vua Tần-bà-sa-la:

–Này Đại vương, nên biết, sắc là pháp có sanh có diệt. Nên biết rõ sắc ấy là có sanh có diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp có sanh có diệt. Đối với pháp của Năm uẩn này, nên biết nó đã có sanh, tất biết nó phải có diệt. Này đại vương, sắc uẩn pháp ấy, nếu hàng thiện nam có thể thật sự rõ biết có sanh thì liền diệt. Sắc uẩn vốn là không, sắc uẩn đã là không thì sanh tức là vô sanh (chẳng có sanh). Sanh đã là vô sanh thì làm gì có diệt? Sắc uẩn như vậy, các uẩn khác cũng giống thế. Nếu hàng thiện nam hiểu rõ như vậy rồi liền ngộ các uẩn là không sanh không diệt, không đứng không đi, tức là không có ngã. Ta nói người này ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp là bậc Chân tịch tĩnh.

Các vị Bà-la-môn và Trưởng giả trong chúng hội lại nghĩ như vậy: “Do pháp gì mà có thể biết rõ là không có ngã, không có thọ, tưởng, hành, thức? Sao gọi là có ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ấy; cho đến Ma-na-phạ-ca, chủ tử, tác giả, sanh giả, khởi giả, vô động giả, thuyết giả, phân biệt giả, tri giả. Những loại như vậy, loại nào không sanh, loại nào không diệt? Vả lại các loại ấy vì duyên cố gì mà tạo

nghiệp thiện và bất thiện để thọ quả báo?”.

Đức Thế Tôn biết rõ các vị Bà-la-môn và Trưởng giả ấy đã khởi lên tâm niệm như vậy, liền bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, chính vì kẻ ngu si, ít nghe chánh pháp, là hàng phàm phu chấp ngã tướng, cho nên đối với vô ngã nói là ngã. Này các Bí-sô, nên biết ngã vốn là vô ngã, và đối tượng của ngã cũng là vô ngã. Nhưng đối với các pháp khổ nếu có tướng sanh thì khổ uẩn liền sanh, nếu tạo tướng diệt thì khổ uẩn liền diệt. Cùng với các hành nếu có tướng sanh thì các hành liền sanh, nếu có tướng diệt thì các hành liền diệt. Do nhân duyên đó sanh ra các pháp hành, do hành duyên này liền có sanh diệt. Ta đối với những vấn đề như vậy thấu đạt một cách như thật về pháp sanh diệt rồi mới đem ra giảng dạy cho tất cả chúng sanh.

Này các Bí-sô, Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt thường, thấy các chúng sanh sanh diệt, tốt xấu, sang hèn, trên dưới, sanh ở cõi lành hay cõi dữ là do các chúng sanh đó tạo nghiệp thiện ác mà phải thọ lấy quả báo, Ta đều biết một cách như thật. Lại nữa, chúng sanh có đầy đủ ba nghiệp bất thiện nơi thân, khẩu, ý, hủy báng bậc Hiền thánh, dấy khởi tà kiến, do tà kiến đó tạo ra các tà nghiệp, làm các pháp tà. Do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, phải đọa vào cõi ác, thọ khổ trong địa ngục. Lại nữa, nếu chúng sanh có đủ ba nghiệp thiện nơi thân, khẩu, ý, không hủy báng bậc Hiền thánh, khởi sanh chánh kiến. Do chánh kiến đó, tạo các nghiệp lành, làm các pháp lành. Do nhân duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời, được làm thân người, trời. Ta biết chúng sanh ấy như thật, Ta thấy chúng sanh ấy như thật.

Này các Bí-sô, khi ấy Ta không nói: “Có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ mạng”. Lại nữa, các bậc tri giả kia tự hỏi: “Cái gì sanh, cái gì diệt? Tạo nghiệp thiện ác phải thọ quả báo”. Các pháp như vậy không có tướng ngã. Năm uẩn có ra là do có tướng pháp, do tướng pháp này mới sanh năm uẩn. Vả lại, do vô minh này duyên nơi pháp hành, các pháp hành sanh ra, tập pháp mới sanh, các pháp hành diệt thì tập pháp liền diệt.

Này các Bí-sô, hành khổ như vậy, do nhân tập khởi mà có, từ nhân tập khởi diệt nên hành khổ liền diệt. Pháp khổ đã diệt, phi pháp

đều diệt thì không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là đã dứt trừ tận cùng biên vực của khổ. Nay Bí-sô, lại làm sao để chứng diệt? Chính nơi biên vực của khổ này là chân tịch diệt, là đạt được thanh tịnh, an lành, đó gọi là cứu cánh. Nay Bí-sô, sự tịch diệt này, đó là xả bỏ tất cả các điều kiện đưa đến ái. Nếu đã dứt hết các pháp dục thì đạt được tịch diệt. Đó chính là Niết-bàn tịch tĩnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói với nhà vua:

–Này Đại vương, ý vua thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

Vua đáp:

–Sắc diệt chính là pháp vô thường.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy vô thường là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi khổ đã diệt liền được không khổ. Khổ là pháp điên đảo. Pháp điên đảo này thì các hàng Thanh văn ít biết, ít nghe mới gọi ngã là Đại Thanh văn, ta là đại trí khởi lên ngã tưởng này, ngã tưởng kia. Điều này là không đúng thưa Thế Tôn.

Đức Phật lại bảo:

–Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Vua thưa:

–Nó là pháp hoại diệt nên vô thường.

Phật hỏi:

–Vậy nó là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Pháp khổ do nơi điên đảo sanh, pháp điên đảo đó chính là khổ. Thanh văn kia vì ít biết, ít nghe nên sanh ngã tưởng, cho nên tự xưng ta là Đại Thanh văn, ta là đại trí, kia là ngã tưởng. Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy! Hãy khéo suy niệm như vậy: “Pháp của sắc uẩn này, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian; hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia vốn là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Nay Đại vương, do chánh trí ấy nên thấy như thật.

Đức Phật lại nói:

–Này Đại vương, cho đến thọ, tướng, hành, thức, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia xưa nay là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí nên nhận biết như thật.

Lúc ấy các vị Thanh văn ở trong hội chúng... nghe pháp này rồi, biết rõ sắc là vô thường, cho đến thọ, tướng, hành, thức cũng biết rõ là vô thường để sanh tâm nhàm chán, xa lìa; do nhàm chán, xa lìa nên liền được giải thoát. Chứng giải thoát rồi, chánh trí hiện tiền, biết rằng ta được giải thoát: “Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Khi ấy vua Tần-bà-sa-la lãnh hội pháp đó liền xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Ở trong hội lại có tám vạn vị trời, người và vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả cũng xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la đạt được pháp nhãn thanh tịnh, có được chánh trí kiến, trụ nơi pháp kiên cố, xa lìa các dục lạc, dứt bỏ các khổ não, ở trong pháp Phật đạt được pháp vô úy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, hướng về Đức Phật chấp tay, hết lòng tin kính, đánh lễ rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con được lợi lớn, con được lợi lớn! Con xin nguyện quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, thọ giới cận sự. Kể từ hôm nay trở về sau, cho đến lúc mạng chung, con không sát sanh, cho đến không uống rượu...

Vua lại bạch Phật:

–Nay con tâm thành tha thiết thỉnh Phật Thế Tôn trở lại thành Vương xá. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót nhận lời mời của con. Con sẽ dốc lo việc cúng dường Đức Thế Tôn cho hết cuộc đời này, về các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, ngọa cụ, thuốc men, các vật thọ dụng đầy đủ. Đối với các chúng Bì-sô con cũng cúng dường như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời mời của vua xong, im lặng. Đức vua thấy Phật im lặng nhận lời thì cung kính đánh lễ Phật rồi lui ra.

